

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2019
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019

Tháng 7 năm 2019



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 26

540
CHI
ẢNH PH
C
ÁCH N
XI
THAN

1/2/0 1/2/0 1/2/0

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, Ấp Bà Trường,

Xã Phước An, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban điều hành Công ty, bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Ông Trần Bảo Trung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Sỹ Quyết	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019)
Ông Phạm Hoàn Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019)
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban điều hành cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành,



Phạm Hoàng Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2019

1000
1000
1000
1000

1000
1000
1000
1000



Số: 107/VACO/BCSX.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Ban điều hành
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An và công ty con (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 7 năm 2019, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Đức Liên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2019

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-24) 3517 0781

Fax: (84-24) 3517 0787

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-251) 382 8560

Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-225) 353 4655

Fax: (84-225) 353 4316

T
G
H
I
E
T
H
U

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		874.255.995.521	493.126.214.391
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	657.552.039.658	487.551.002.077
1. Tiền	111		354.409.521	216.081.002.077
2. Các khoản tương đương tiền	112		657.197.630.137	271.470.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		204.500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	204.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.408.469.204	2.144.422.468
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	13.299.417	88.800.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	8.395.169.787	2.055.622.468
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.795.486.659	3.430.789.846
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.716.351.642	3.397.962.387
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7	79.135.017	32.827.459
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		238.457.466.351	612.361.959.087
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.000.000.000	354.609.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5	13.000.000.000	354.609.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.137.833.418	3.483.494.749
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.137.833.418	3.483.494.749
- Nguyên giá	222		13.652.210.959	13.652.210.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.514.377.541)	(10.168.716.210)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		41.733.000	41.733.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.733.000)	(41.733.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		222.319.632.933	254.269.464.338
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	222.319.632.933	254.269.464.338
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.112.713.461.872	1.105.488.173.478

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.467.135.766	21.518.109.990
1. Nợ ngắn hạn	310		19.467.135.766	21.518.109.990
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	1.526.953.636	1.840.537.901
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7	374.006.001	1.462.531.646
3. Phải trả người lao động	314		477.734.842	1.053.627.372
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	14.848.852.889	14.846.524.673
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.239.588.398	2.314.888.398
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.093.246.326.106	1.083.970.063.488
1. Vốn chủ sở hữu	410	13	1.093.246.326.106	1.083.970.063.488
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.285.641.372	9.285.641.372
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.069.929.634	2.069.929.634
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.109.244.900)	(27.385.507.518)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(27.385.507.518)	(19.719.534.465)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.276.262.618	(7.665.973.053)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.112.713.461.872	1.105.488.173.478

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Cù Thị Thủy

Nguyễn Đức Nhơn

Phạm Hoàng Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-	-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	18.370.292.839	5.536.027.557		
7. Chi phí tài chính	22		-	2.167.537.263		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.167.537.263		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	8.509.333.650	10.182.691.067		
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (22 + 26)}	30		9.860.959.189	(6.814.200.773)		
10. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
11. Chi phí khác	32		-	-	-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-	-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.860.959.189	(6.814.200.773)		
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	584.696.571	-		
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		9.276.262.618	(6.814.200.773)		
16. Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	21	84	(62)		

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Cù Thị Thúy

Nguyễn Đức Nhơn

Phạm Hoàng Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lãi/ (Lỗ) trước thuế	01	9.860.959.189	(6.814.200.773)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	345.661.331	53.539.365
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(18.370.292.839)	(5.536.027.557)
- Chi phí lãi vay	06	-	2.167.537.263
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.163.672.319)	(10.129.151.702)
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	286.913.570	(709.693.944)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(855.084.294)	946.411.115
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.167.537.263)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.705.286.501)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)	16	375.109.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(75.300.000)	(46.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	364.596.570.456	(12.106.871.794)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(1.550.168.595)	(677.184.545)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(204.500.000.000)	(93.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	78.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (ii)	27	11.454.635.720	5.482.659.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(194.595.532.875)	(10.094.524.661)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	186.950.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(186.950.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	170.001.037.581	(22.201.396.455)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	487.551.002.077	293.940.897.578
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	657.552.039.658	271.739.501.123

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

Chi chi:

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5 - Trả trước cho người bán và Thuyết minh số 9 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, "Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh" là tiền được hoàn trả lại một phần giá trị tạm ứng của nhà thầu cho Công ty liên quan đến hợp đồng xây dựng số 04/2017/HĐXD-PAP ngày 5 tháng 10 năm 2017 và tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã chi cho các hộ dân ở xã Long Thọ nằm trong dự án xây dựng tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (dự 1) được hoàn lại.
- (ii) Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 8.032.989.787 VND là số tiền lãi dự thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2019. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Cù Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Nhơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Hoàng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4703000541, ngày 14 tháng 5 năm 2008 (đăng ký thay đổi và điều chỉnh lần thứ 07 số 3601010336 ngày 16 tháng 3 năm 2018) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3601010336 thay đổi lần thứ 07 ngày 16 tháng 3 năm 2018, Vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VNĐ, tương đương 110.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 47 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 45 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Khai thác Cảng và khu hậu cần.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đầu tư xây dựng phát triển Cảng và khu hậu cần; Đầu tư xây dựng và vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí) và các dịch vụ hậu cần; Đại lý tàu biển; Cho thuê các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp nâng hạ.
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải đường ống
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép
- Xây dựng nhà các loại: Đầu tư nhà ở công nhân viên, nhà làm việc và nhà văn phòng (trong khu vực cảng)
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa trang thiết bị cho công trình dầu khí.
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa phương tiện thủy.
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Lắp đặt trang thiết bị cho công trình dầu khí và phương tiện thủy.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp.
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

01
HÀ
01
G T
M H
TOÁN
CƠ
T. P. Y

01
TY
ÁP
LƯU
IÁI
CA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015 đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

(a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

(b) Đối với tài sản và nợ phải trả Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Hoàng Sơn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cổ đông lớn
Cùng người đại diện pháp luật
Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	201.710.624	222.661.804
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	152.698.897	215.858.340.273
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (i)	657.197.630.137	271.470.000.000
	<u>657.552.039.658</u>	<u>487.551.002.077</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tiết kiệm 530.199.000.000 VND có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng và khoản tiền công ty con đầu tư tài chính ngắn hạn với tổng số tiền là 126.998.630.137 VND, thời hạn đầu tư 03 tháng với lãi suất 5%/năm.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.299.417	88.800.000
Trả trước người bán khác	13.299.417	88.800.000
b) Trả trước cho người bán dài hạn	13.000.000.000	354.609.000.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn (i)	13.000.000.000	354.609.000.000
	<u>13.013.299.417</u>	<u>354.697.800.000</u>

- (i) Đây là khoản tạm ứng theo Hợp đồng số 04/2017/HĐXD-PAP ngày 5 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Liên doanh gồm Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn và Công ty Cổ phần Núi Hồng về việc thi công xây lắp Phần kỹ 1- Dự Án Cảng Phước An. Trong kỳ, nhà thầu hoàn trả lại cho Công ty số tiền là 341.609.000.000 VND.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	65.000.000	-	58.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.600.000	-	70.075.000	-
Lãi dự thu	8.032.989.787	-	1.117.332.668	-
Phải thu khác liên quan tuyến đường BOT	236.580.000	-	810.214.800	-
	<u>8.395.169.787</u>	<u>-</u>	<u>2.055.622.468</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số thực nộp/thu trong năm VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu				
Thuế TNCN nộp thừa	46.307.558	-	46.307.558	-
Thuế TNDN nộp thừa	32.827.459	-	-	32.827.459
	<u>79.135.017</u>	<u>-</u>	<u>46.307.558</u>	<u>32.827.459</u>
b) Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	149.309.430	251.138.883	219.074.598	117.245.145
Thuế TNDN phải nộp	224.696.571	584.696.571	1.705.286.501	1.345.286.501
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
	<u>374.006.001</u>	<u>841.835.454</u>	<u>1.930.361.099</u>	<u>1.462.531.646</u>

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dung cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	3.908.403.636	9.326.649.688	417.157.635	13.652.210.959
Số dư cuối kỳ	<u>3.908.403.636</u>	<u>9.326.649.688</u>	<u>417.157.635</u>	<u>13.652.210.959</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	542.833.840	9.278.471.111	347.411.259	10.168.716.210
Khấu hao trong kỳ	325.700.304	10.097.699	9.863.328	345.661.331
Số dư cuối kỳ	<u>868.534.144</u>	<u>9.288.568.810</u>	<u>357.274.587</u>	<u>10.514.377.541</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	<u>3.365.569.796</u>	<u>48.178.577</u>	<u>69.746.376</u>	<u>3.483.494.749</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>3.039.869.492</u>	<u>38.080.878</u>	<u>59.883.048</u>	<u>3.137.833.418</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 9.597.363.687 VND (tại ngày 12 tháng 12 năm 2018 là 9.562.000.051 VND).



342
 TỶ
 AN
 DẦU
 KHÍ
 ĐẦU
 TƯ
 KHAI
 THÁC
 CẢNG
 PHƯỚC
 AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng (i)	118.000.864.166	151.500.864.166
Lập dự án đầu tư	11.214.249.090	11.214.249.090
Chi phí triển khai dự án	36.159.391.511	34.740.772.238
Khảo sát địa chất	15.009.077.229	15.009.077.229
Rà soát bọm mìn	16.100.764.040	16.100.764.040
Thiết kế bản vẽ thi công	16.605.110.678	16.605.110.678
Đánh giá tác động môi trường	513.272.727	385.090.909
Tuyển đường BOT	1.344.982.909	
Chi phí khác	7.371.920.583	8.713.535.988
Cộng	<u>222.319.632.933</u>	<u>254.269.464.338</u>

Các chi phí này liên quan đến việc thực hiện dự án Cảng Phước An.

- (i) Trong kỳ, Công ty đã được hoàn lại tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã chi cho các hộ dân ở xã Long Thọ nằm trong dự án xây dựng đoạn 01 của tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (đợt 1) là 33.500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, Ấp Bà Trường,
Xã Phước An, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

MẪU SỐ B09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	204.500.000.000	204.500.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	204.500.000.000	204.500.000.000	-	-

Đây là tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh.

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.000.000.000		(8.000.000.000)	8.000.000.000		(8.000.000.000)
Công ty CP Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao	8.000.000.000		(8.000.000.000)	8.000.000.000		(8.000.000.000)

(i) Giá trị hợp lý

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

Số vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao được góp theo mệnh giá với tỷ lệ vốn góp là 10% vốn điều lệ. Theo Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Phòng Đăng ký Kinh doanh tỉnh Đồng Nai, Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 26 tháng 4 năm 2018 đến ngày 25 tháng 4 năm 2019. Đồng thời, theo báo cáo tài chính năm 2016, thì Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao đã có số lỗ lũy kế vượt gấp 04 lần số vốn chủ sở hữu, do đó, Công ty vẫn duy trì mức trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 100% đối với Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Giá trị VND	trả nợ VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xây dựng Đồng Nai	1.393.753.636	1.393.753.636	1.493.753.636	1.493.753.636
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO	-	-	215.577.865	215.577.865
Đối tượng khác	133.200.000	133.200.000	131.206.400	131.206.400
	1.526.953.636	1.526.953.636	1.840.537.901	1.840.537.901

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương (i)	13.345.884.000	13.345.884.000
Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Nhơn Trạch (ii)	1.377.433.544	1.377.433.544
Các khoản phải trả, phải nộp khác	125.535.345	123.207.129
	14.848.852.889	14.846.524.673

- (i) Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 08 năm 2011 tại Dự Án Cảng Phước An với tư cách nhà đầu tư thứ cấp.
- (ii) Đây là khoản tiền bồi thường và tiền lãi không kỳ hạn phát sinh tương ứng của một số hộ dân nằm trong diện tích giải tỏa tại Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An và tuyến đường kết nối vào cảng, xã Long Thọ và xã Phước An, huyện Nhơn Trạch nhưng các hộ dân này chưa nhận tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, Ấp Bà Trường,
Xã Phước An, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

MÃ SỐ B09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	1.100.000.000.000	9.285.641.372	2.069.929.634	(19.719.534.465)	1.091.636.036.541
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(7.665.973.053)	(7.665.973.053)
Số dư tại ngày đầu kỳ	1.100.000.000.000	9.285.641.372	2.069.929.634	(27.385.507.518)	1.083.970.063.488
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	9.276.262.618	9.276.262.618
Số dư tại ngày cuối kỳ	1.100.000.000.000	9.285.641.372	2.069.929.634	(18.109.244.900)	1.093.246.326.106

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.000.000	110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.000.000	110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3601010336 thay đổi lần thứ 07 ngày 16 tháng 3 năm 2018, Vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VNĐ, tương đương 110.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ	
	Cổ phiếu	Vốn góp VNĐ	Tỉ lệ %	Vốn góp VNĐ	Tỉ lệ %
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	66.000.000	660.000.000.000	60,00%	660.000.000.000	60,00%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	35.000.000	350.000.000.000	31,82%	350.000.000.000	31,82%
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	7.500.000	75.000.000.000	6,82%	75.000.000.000	6,82%
Các cổ đông khác	1.500.000	15.000.000.000	1,36%	15.000.000.000	1,36%
	110.000.000	1.100.000.000.000	100%	1.100.000.000.000	100%

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ USD	1.788,53	1.795,13

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, chưa phát sinh doanh thu hoạt động chính và Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VNĐ	Kỳ trước VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	893.632.996	760.340.735
Chi phí nhân công	5.901.973.910	5.575.291.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	345.661.331	53.539.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.337.172.526	3.548.156.711
Chi phí khác bằng tiền	30.892.887	245.362.765
	8.509.333.650	10.182.691.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	18.370.292.839	5.536.027.557
	<u>18.370.292.839</u>	<u>5.536.027.557</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.901.973.910	5.575.291.491
Chi phí vật liệu quản lý	804.306.179	760.340.735
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.326.817	236.924.044
Chi phí khấu hao TSCĐ	345.661.331	53.539.365
Thuế, phí và lệ phí	30.892.887	8.438.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.337.172.526	3.548.156.711
	<u>8.509.333.650</u>	<u>10.182.691.067</u>

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	584.696.571	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>584.696.571</u>	<u>-</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ phát sinh từ lợi nhuận của Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An (công ty con).

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại với số tiền 22.323.688.666 VND vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Số lỗ (chứa quyết toán thuế) còn được chuyển tại ngày 30 tháng 6 năm 2019:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2018	Số lỗ chuyển	Số lỗ còn được
				trong kỳ tính thuế này	chuyển sang kỳ sau
Năm	VND		VND	VND	VND
2014	(10.992.872.717)	2015 - 2019	(6.294.430.237)	(4.698.442.480)	-
2015	(11.701.603.465)	2016 - 2020	-	(2.309.791.957)	(9.391.811.508)
2018	(12.930.119.055)	2019 - 2023	-	-	(12.930.119.055)
Cộng	<u>(35.624.595.237)</u>		<u>(6.294.430.237)</u>	<u>(7.008.234.437)</u>	<u>(22.321.930.563)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, được thực hiện như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.276.262.618	(6.814.200.773)
Trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.276.262.618	(6.814.200.773)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	110.000.000	110.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>84</u>	<u>(62)</u>

22. CAM KẾT GÓP VỐN VÀO CÔNG TY CON

Theo Biên bản họp Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An ngày 11 tháng 9 năm 2017, Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An có ba cổ đông chiến lược góp vốn. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chỉ mới có Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	657.552.039.658	487.551.002.077
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.330.169.787	1.997.622.468
Đầu tư tài chính ngắn hạn	204.500.000.000	-
Tổng cộng	<u>870.382.209.445</u>	<u>489.548.624.545</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	16.359.047.841	16.672.513.550
Tổng cộng	<u>16.359.047.841</u>	<u>16.672.513.550</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

50-1
HÁP
ỐC
C TY
MHC
TOÁN
CO
T.P.H

11
7
TÁ
Á
TÁ
CÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Tại ngày cuối kỳ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	657.552.039.658	657.552.039.658
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.330.169.787	8.330.169.787
Đầu tư tài chính ngắn hạn	204.500.000.000	204.500.000.000
	<u>870.382.209.445</u>	<u>870.382.209.445</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	16.359.047.841	16.359.047.841
	<u>16.359.047.841</u>	<u>16.359.047.841</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>854.023.161.604</u>	<u>854.023.161.604</u>
Tại ngày đầu kỳ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	487.551.002.077	487.551.002.077
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.997.622.468	1.997.622.468
	<u>489.548.624.545</u>	<u>489.548.624.545</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	16.687.062.574	16.687.062.574
	<u>16.687.062.574</u>	<u>16.687.062.574</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>472.861.561.971</u>	<u>472.861.561.971</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

24. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban điều hành trong kỳ được hưởng như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập Ban điều hành và thành viên chủ chốt	1.087.462.652	868.886.067

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Cù Thị Thúy

Nguyễn Đức Nhơn

Phạm Hoàn Sơn

